TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13-02-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Tuấn Anh.

Bà Nguyễn Tố Nga.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị M, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020185005152. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Vi Văn K, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020078010311. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2025, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Dương Thị M trình bày:

Vợ chồng bà Dương Thị M và ông Vi Văn K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã C, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 08 tháng 8 năm 2014. Sau khi kết hôn cuộc sống ban đầu bình thường, chỉ có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống. Tuy nhiên, từ năm 2020, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng hơn, nguyên nhân do ông Vi Văn K lười lao động, thường xuyên uống rượu mỗi khi uống rượu về thì chửi mắng, xúc phạm và đánh bà Dương Thị M, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt không còn quan tâm đến nhau, cuối năm 2020 vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Trong thời gian sống ly thân vợ chồng được hai bên gia đình động viên quay về đoàn tụ, tuy nhiên cuộc sống tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Từ khi ly thân vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, xác định tình cảm vợ chồng không còn bà Dương Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Vi Văn K.

Về con chung vợ chồng có 02 con chung, con lớn Vi Tuấn H sinh ngày 18/12/2002, con nhỏ Vi Ngọc L sinh ngày 24/6/2006, các con chung đều đã trưởng thành, sức khoẻ tốt tự nuôi sống được bản thân không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ông Vi Văn K không hợp tác nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ; bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị M về việc ly hôn với ông Vi Văn K. Về con chung, đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung không xem xét giải quyết. Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị M và ông Vi Văn K, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/8/2014, tại tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã C, tỉnh Lạng Sơn) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Về yêu cầu ly hôn: Xét thấy, cuộc sống hôn nhân có nhiều bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc. Từ cuối năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với biên bản xác minh ngày 22/12/2025. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Dương Thị M và ông Vi Văn K có 02 người con chung, con lớn Vi Tuấn H sinh ngày 18/12/2002, con nhỏ Vi Ngọc L sinh ngày 24/6/2006.

Xét thấy, các con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016,

[6] Xét thấy, ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị M được ly hôn với ông Vi Văn K.

2. Về con chung: Bà Dương Thị M và ông Vi Văn K có 02 người con chung, con lớn Vi Tuấn H sinh ngày 18/12/2002, con nhỏ Vi Ngọc L sinh ngày 24/6/2006, đã trưởng thành (trên 18 tuổi) không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Dương Thị Mới P chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Dương Thị M đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0000909 ngày 14 tháng 11 năm 2025, của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Lạng Sơn;
- UBND xã Cai Kinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Hải Đoàn